

TRUYỀN PHÁP CHÁNH TÔNG LUẬN

QUYỂN 2

THIÊN THỨ BA

Có người khách nói với Tôi rằng: “Chánh tông của chúng ta lấy tâm truyền tâm mà thôi. Cố sao ông hẳn lấy “Thiền Kinh”, nghĩa là thế nào?” Đáp: “Tôi lấy “Thiền Kinh”, vì trong đó nêu bày danh số Tổ sư rất hoàn bị, có yếu chỉ vi diệu rất hợp với chánh tông của chúng ta. Đại sư Lô Sơn tổ thuật chánh tông rất rõ ràng, mà lời tựa của Tuệ Quán cũng vậy. Sách tôi từ đó suy cứu để làm chứng cứ. Tôi chẳng phải học “Thiền Kinh” mà chuyên lấy làm ý vậy”. Người khách lại hỏi: “Danh số của Tổ sư thì thấy đó vậy, mà Lô Sơn (Pháp sư Tuệ Viễn) tổ thuật rất rõ ràng, nghĩa là thế nào?” Đáp: “Căn cứ theo trong “Xuất Tam Tạng Ký” của Sa-môn Tăng Hựu ghi rằng: “Tại Lô sơn, phiên dịch “Tu Hành Phương Tiện Thiền Kinh” tổng tựa do Thích Tuệ Viễn thuật”, đến lúc khảo xét lời tựa ấy, tìm cầu ý đích xác, thì ở đó có nói: “Phàm dấy khởi của ba nghiệp, lấy Thiền trí làm tông”. Lại có nói: “Lý Huyền, số rộng Đạo ẩn nơi văn, thì A-nan khúc thừa Âm Chiếu (trong kinh bản, hoặc viết là “Âm Chiếu”, bởi bút viết người đời sau truyền ghi sai lầm vậy. Tôi khảo xét trong “khuôn sơn tập” của Viễn Công, thấy Tổng tựa của Thiền kinh, thật viết là “Chỉ Chiếu”. Trong “Phổ Hiền Hạnh Nguyên Số” của Khuê Phong cũng xưng là “Chỉ Chiếu”. Đó hẳn do Khuê Phong y cứ vào tựa kinh bản cổ đã sa thải trước thời Bắc Chu, Tiền Đường vậy, tức nói “khúc thừa chỉ chiếu”. Khúc thì nghĩa là nhỏ nhiệm kín chặt, có nói “Âm Chiếu” thì nghĩa đó đâu phải là vi mật ư? Trong lời tựa “Bất Tịnh Quán Kinh”, Pháp sư Tuệ Quán cũng viết là “Khúc Phụng Thánh Chỉ”. “Bất Tịnh Quán Kinh” tức là “Thiền Kinh”. Mới đầu, Khế Tung kẻ phàm ngu tôi chưa dám cải đổi liên văn của Đại Tạng Quốc Bản, sau đây mới lấy lấy chỉ chiếu làm rõ. Xin vì làm chuẩn định của trăm đời vậy). Ngu chẳng phải người ấy, hẳn là Linh phủ ẩn tàng, tâm người nào không đáng khuôn phép. Nó biến hóa lấm phượng, số không

định tượng, đợi cảm mà ứng cho nên hóa hành ở Thiên trúc. Ngâm đó có khéo giỏi, u quan chẳng mở, hiểm lén thấy sân nhà. Từ đó mà quán xét, thì Lý có hành tàng, đạo không hư truyền, sở dĩ có vậy, sau khi Đức Như Lai nhập Niết-bàn không bao lâu, A-nan truyền pháp ấy cùng ban hành cho đệ tử Mạt-điền-địa, Mạt-điền-địa lại truyền cho Xá-na-bà-tư. Ba vị Ứng thân (A-la-hán) ấy đều thừa chí nguyện thâm khế hợp từ xưa, công vượt ngoài lời, điều kinh không biện giải, hẳn là khuôn phép tối Nguyên tượng (Nguyên tượng dụ cho Đức Phật), yếu đuối không sai. Sau đó có Ưu-ba-quật, mềm yếu mà siêu ngộ, trí trọn làm mô phạm cho đời, tài cao ứng ít, chạm lý theo giản đơn, tám vạn pháp tạng, còn lại chỉ cốt yếu, phân chia năm bộ có bắt đầu từ đó. Nhân đó mà suy thì hẳn biết hình vận vì phước hưng từ điềm thần dụng, thì bước ngẫm không vết, động khéo khó tìm, giãi trải thô bày sinh khác. Có thể chẳng thận trọng ư? Có thể chẳng thẩm xét ư? Từ đó trở lại, cảm ở sự biến nghĩ nhớ pháp cũ. Tâm học trong ngũ bộ đều có con người ấy, đều có con người ấy, đều sợ đại pháp sắp suy đồi, Lý sâu bụi ngùi đó, bèn tự mỗi thuật tán thán “Thiên Kinh” để làm sáng lớn nghiệp ấy (tán thán thiên kinh, chẳng phải văn kinh, mà là pháp yếu của kinh đó). Có thuyết nói: “Tìm cành kiếm rẽ thì đông nhiều, bao gồm gốc chuyển ngọn thì hiếm ít, hoặc sắp kịp mà chẳng thấu đạt, hoặc giữ phương mà chưa biến”. Có thuyết nói: “Nguyên phạm Thánh chỉ chẳng nhọc toàn sở trường đó, cũng do vì tìm cầu sở đoản ấy. Nếu vậy, thì ngũ bộ khác nghiệp còn ở người ấy, người chẳng nối dõi, đạo hoặc thanh suy, hưng phế có lúc, thì lẫn lộn cùng lên xuống, mục của Đại tiểu đó có thể định ư? Lại nữa, đại tiết khéo biến, xuất xứ không ngăn, ẩn danh giấu vết không nghe không bày. Với người như thế lại không thể đem phân danh bộ. Đã không chỗ phân danh bộ, cũng chẳng vượt ra ngoài đó, riêng có Tông minh vậy”. Có thuyết nói: “Kinh phiên dịch của hiện nay xuất phát từ Đạt-ma-đa-la cùng Phật Đại Tiên, người ấy là bậc tuấn kiệt ở Tây vực là chủ chốt dạy răn thiên pháp. Rút nhóm kinh cốt yếu khuyến phát Đại thừa”. Có thuyết nói: “Nếu chẳng là Đạo trùm ba thừa, Trí thông mười địa, ai có thể thấu suốt huyền căn nói pháp thân, quy tông nhất nơi vô tướng, lắng mà không sót chiếu, động mà chẳng lia tịch đó thay! Nay thuyết đầu số này, há chẳng do A-nan, Cúc-đa khúc thừa chỉ chiếu, đợi người ấy mà kín cùng trao nhận, điều gọi là công ở ngoài lời, chỗ kinh chẳng biện giải, bao gồm cả một Đại tạng giáo của Đức Phật Thích-ca văn chúng ta. Nào kinh nào luật nào luận, người học ba tạng ấy không gì chẳng do đây mà thấu đạt vậy. Điều mà Sa-môn Tăng Hựu gọi là Tổng tựa, đây

là do vì ấy vậy. Trong “Cao Tăng Truyện” của Sa-môn Tuệ Kiếu nói là Phật-đà-bạt-đà bỏ đất Tần ra đi gặp Viễn Công ở Lô sơn, phiên dịch các kinh thiên số”. Truyện Bạt-đà trong “Xuất Tam Tạng Ký” của Sa-môn Tăng Hựu cũng nói: “Thường cùng Viễn Công phiên dịch “Thiên Kinh” này, mà Viễn Công là do từ Bạt-đà truyền trao pháp yếu ấy, Bạt-đà thì thọ học từ Đạt-ma”. Nên trong lời tựa đó thuật là rộng lớn vi diệu bí mật như vậy, bởi phát minh kinh ấy lấy tâm làm chủ vậy. Đây đáng gọi là người biết được rõ ràng Chánh Tông chúng ta vậy. Trong khoa “Luận Thiên” ở bộ “Đại Tổng Cao Tăng Truyện” nói: “Phàm, giáo pháp diễn giảng tại Sơn Hán, tên của cực chứng chưa hiển bày, phong hành tại Lô phụ, học Thiên na bắt đầu nảy mầm. Phật-đà-thập bị người đất Tần xua đuổi mà đến, Bát-nhã-đa đến từ trong thời nhà Tấn. Bấy giờ Viễn Công kín truyền tọa pháp sâu cứng huyền cơ, dần nhiễm thi hành, nương trái (y vi) tố thuật”. Trong đó nói “nương” (y) tức có nghĩa nương theo pháp yếu, còn “vi (trái)” có nghĩa là trái với giáo tích, xét nghiệm đó thì Viễn Công truyền huyền yếu ở Bạt-đà, há chẳng đúng vậy ư? (Chỗ dùng “Phật-đà” và “Bát-nhã” của nhà viết truyện, tựa như hai người này đều đã đến Lô sơn, thì Viễn Công kín truyền quả được từ ai? Theo chỗ nêu bày trong hai truyện của Sa-môn Tuệ Kiếu và Tăng Hựu cũng không thấy nói có Bát-nhã đồng đến, nhưng điều nêu dẫn của nhà viết truyện ấy sợ không đầu mối thẩm xét. Ninh Công cũng thiếu suy nghĩ đó. Nay lấy phiên dịch đó mà đoán thì Viễn Công đáng truyền ở Bạt-đà, Bạt-đà thì đạt được từ Đạt-ma. Trong lời tựa của Tuệ Quán trình bày rõ ràng vậy. Nhưng “Bát-nhã-đa” đó tựa như gần giống tên Tổ thứ hai mươi bảy, song, lấy theo truyện ký để chứng minh thì Tổ thứ hai mươi bảy, chưa từng nghe có đến đất Tấn, và cũng chỉ thị tịch tại Thiên Trúc. Nếu như Thánh nhân ấy chợt đến chợt đi, thì quả nhiên trước đã từng dùng sức thần thông mà lại, vì Thiên tông của Đạt-ma mà nêu bày gốc. Đối với thống nhiếp đây, thật không thể lường biết vậy. Nếu không như vậy thì thật tựa có một Bát-nhã-đa, hoặc chi phái của các Tổ trước đến lộ bày thiên chỉ ấy vậy, sau hoặc có lấy sự tích này mà luận bàn, xin lấy lời ghi chú của Tôi mà chỉnh định đó. Đương thời của Viễn Công, Đạt-ma chưa đến, kín truyền thuyết cực chứng, mà người Trung Hoa chưa bắt đầu hỏi nghe. Lô Sơn tuy tự thấu đạt đó, bèn phát thì kinh hải, chúng sinh phỉ báng, liệu không thể riêng dấy khởi, gặp lưu xuất kinh ấy (Thiên Kinh), bèn nhân đó mà phát động. Nhưng thuyết đó càng cao huyền so với văn của các kinh hoặc chẳng cùng loại. Ý ấy tại trong bí yếu của kinh đó, không nên chuyên cầu khư khư nơi khoảng ba

số muôn vạn tự mà thôi vậy. Nếu đó nói A-nan khúc thừa chỉ chiếu, chẳng loại kinh ấy, mà đầu tiên xưng là đại Ca-diếp, là hẳn đặc biệt muốn rõ A-nan truyền ngoài kinh giáo của Phật mà riêng thọ huyền chỉ đây. Nếu không như vậy thì sao liền cùng với kinh tương phản ư? Lời tựa của Tuệ Quán, đại khái tuy đồng với thuyết của Lô Sơn, mà đề mục kinh ấy, cùng với người đầu tiên nói kinh, mờ mịt chẳng thể biện rành. Tôi chẳng suy tầm đến cùng lấy làm đốc luận, chỉ tán thán Tuệ Quán đặc biệt đầy đủ danh số Tổ sư cùng đồng loại như Thánh tông chúng ta. Lại lấy điều Tuệ Quán nói là: “A-nan khúc phụng Thánh chỉ lưu hành ngàn năm”. Lại nói: “Đàm-ma-la đem pháp yếu này truyền cho Phù-đà-la. Phù-đà-la cùng Phật-đà-tư-na xót thương chiên đàn đây không thấy đáng tập (chân tập khả sư), bèn lưu truyền pháp này đến Đông châu”. Đó tự như gần với chánh tông của chúng ta vậy. Nhưng ngay thời của Tuệ Quán, Phật pháp lưu truyền vào Chấn Đán (Trung Hoa) đã hơn ba trăm bảy mươi năm. Lưu truyền đến đó gồm cả các kinh luận lớn cũng rất hoàn bị, sao mượn một kinh “Bất Tịnh Quán” mà vì làm thầy ư? Ở đó nói: “không thầy đáng tập (vô chân tập khả sư”, chánh vì ở Trung Hoa mới đầu tuy có pháp cực chứng bí mật vì làm mô phạm cho người học giáo đây vậy”. Lại có người hỏi: “Sao gọi là “thiền kinh có vi chỉ hợp với chánh tông của chúng ta ư?” Đáp: “Trong “Thiền Kinh” nói: “Phật dạy, muốn cầu A-tỷ-tam-muội-da (nguyên chú nói đây là tên của kiến đạo), nên làm Đạt-ma-ma-na-tư-già-la, thường quán thật nghĩa đó, dùng dao Thánh hạnh chém trừ giặc âm, chẳng như yếu kém không thể báo thù, bị kia làm hại, cho đến hết thấy pháp lạc, vì đời sau mà làm đại minh, dứt trừ tất cả gốc khổ, làm lợi ích cho quần sinh, hưởng gì ở phàm phu không; vô sở đắc, mà tự buông lung chẳng siêng năng tu tập”. Phía dưới đó mới giải rằng: “Đạt-ma nói thế gian Đệ nhất pháp. Ma-na-tư-già-la nghĩa là một kinh tâm, phiên dịch là nghĩa ngôn tư duy”. Phàm, “Thiền Kinh” có hai quyển, từ đầu đến cuối đều là chữ Trung Hoa, chỉ “kiến đạo” cùng “Đệ nhất pháp” và “một kinh tâm” đây, riêng dùng bằng Phạm ngữ, bí mật mà không phiên dịch. Theo ý tôi người phiên dịch kinh như thế mới hợp với vi chỉ của Phật, đặc biệt muốn dùng bì mật cảm ngộ siêu bạt. Đó nên theo đây mà tư duy Đạo ư? Nên tiếp theo lại nêu lời Phật dạy rằng: “Thường quán nghĩa chân thật”. Như điều đó gọi là “dùng dao Thánh hạnh chém trừ giặc Âm”. Căn cứ theo Trí Độ luận nói: “Mười dao Thánh hạnh, nghĩa ấy chẳng lìa ba giải thoát môn”. Nhưng bố thí giải thoát môn thông cả Đại thừa Tiểu thừa, chỉ vì sở duyên của nó có hơn kém vậy. Ba giải thoát môn của Đại thừa duyên

với thật tướng các pháp, của Tiểu thừa thì khác vậy. Nay đây quả thật duyên với thật nghĩa, mà khiến dùng dao Thánh hạnh nghiệm với sở quán đó thật là mật pháp vi diệu của Đại thừa vậy. Lại trong câu kết phần “Thắng đạo quyết định” của kinh đó nói: “Ta dùng sức tuệ nhỏ, lược nói các pháp tánh, như nghĩa cứu cánh đó, cảnh giới, mười trí lực”. Lại nữa, ở cuối quyển Hạ kinh đó nói bài kệ tụng rằng:

“Phương tiện trị địa hạnh, cho đến nói cứu cánh, chủ thí pháp Vô thượng, thí là truyền đến nay”. Và phần kết đó lại nói: “Chỉ kia đã độ rồi, sau mới là cứu cánh”. Đó há không nói nơi cứu cánh ấy là tâm bí mật vi diệu giữa Phật với Phật, chẳng thể dùng tình mà biết tâm trạng, chỉ lấy chứng đây mới tương ứng vậy. Đó là hợp với chánh tông chúng ta vậy.

Xưa kia trong thời Phật giảng kinh Niết-bàn, các vị Tỳ-kheo đã nghe thuyết “xa lìa tứ đảo”, bèn lại cầu thỉnh Phật sống lâu nơi đời để vì họ mà dẫn đạo, Đức Như Lai giúp chính định tri kiến ấy mới bảo: “Nay ta có chánh pháp Vô thượng đều đã giao phó cho Đại Ca-diếp. Đại Ca-diếp sẽ vì các người làm nơi nương tựa lớn, tựa như Đức Như Lai vì các chúng sinh mà làm nơi nương tựa vậy”. Trong luận Đại Trí Độ nói: “Đức Phật lúc sắp nhập Niết-bàn xoay đầu về hướng Bắc mà nằm, trước tiên bảo cùng A-nan rằng: “Hiện tại nay đây hay sau khi ta đã thị tịch, các Tỳ-kheo phải tựa nương tựa nơi pháp”. Phàm người tựa nương tựa nơi pháp, nghĩa là bên trong quán thân thường niệm nhất tâm trí tuệ, siêng tu tinh tấn v.v... Bởi vì, giác chẳng dư thừa nương tựa. Thứ nữa có nghĩa là dùng giới kinh làm thầy, đến lúc A-nan thực hiện việc kết tập pháp bảo tạng, phần kinh sau của Niết-bàn cũng vậy. Phàm trong Niết-bàn chỗ gọi là “Chánh pháp vô lượng”, tức là chỉ thẳng pháp tánh sở chứng của Đức Như Lai, đã giao phó cho Đại Ca-diếp, muốn các người học pháp, nương tựa lấy làm nơi chân chánh của họ. Nhưng vốn liếng người làm chủ giáo pháp trong đời sau, nếu chẳng truyền trao pháp ấn khiến gìn giữ thì lấy gì để làm chủ ư? Nay trong đó cho rằng: “Đã giao phó cho Đại Ca-diếp”, há chẳng khiến dùng pháp đó mà làm khuôn phép chánh ấn chứng cho người phụng trì mà tu chứng ư? Lại nữa, trong kinh đó nói: “Bốn người xã hội nơi đời hộ trì pháp phải nên chứng biết mà làm nương tựa. Người đó khéo giải hiểu tạng thâm áo vi mật của Đức Như Lai”. Lại nói: “Có khả năng giải hiểu mật ngữ của Như Lai và có khả năng giảng nói”. Đó há chẳng phải vậy thay! Trong Đại luận trước dạy nương tựa pháp thân, ý ấy cùng với bốn nơi nương tựa cùng gần nhau vậy. Trong “Thiền Kinh” nói: “Đại Ca-diếp

tiếp thừa từ Đức Phật chúng ta. Sau khi Đức Phật diệt độ lấy đó lần lượt truyền trao”, hẳn cũng xác nghiệm vậy. Viễn Công nói “khúc thừa chỉ chiếu”, cùng với điều gọi là “mật ngữ” đâu xa khác đó ư? Học giả hẳn dùng tâm thông thì đối với yếu chỉ sâu mầu trong chánh pháp Vô thượng mà Đức Như Lai giao phó, có thể cầu được vậy. Đây hẳn cùng với quyển khác trong kinh Niết-bàn Đức Như Lai đem chánh pháp giao phó cho các hàng Vương thần bốn bộ chúng, thì sự việc đồng mà ý có khác vậy. Lại nữa. Ở phẩm “chúc lụy” trong Đại luận, có lời hỏi: “Lại có pháp nào sâu mầu ưu thắng Bát-nhã chẳng, mà đem Bát-nhã chúc lụy cho A-nan, mà các kinh khác thì chúc lụy cho Bồ-tát. (Kinh khác tức là văn trước trong luận đó nói: “Kinh Pháp Hoa, ngoài ra các kinh Phương Đẳng đem chúc lụy cho Hỷ Vương các Bồ-tát v.v...)?” Đáp: “Bát-nhã Ba-la-mật-đa chẳng phải là pháp Bí mật (đây há chẳng cho là pháp Bí mật mới ưu thắng hơn Bát-nhã ư? Đó là nói rõ Long Thọ là kinh mà lại truyền yếu chỉ bí mật ấy, hẳn vậy, sao có thể dùng giáo bộ mà luận bàn. Sau khi Tôi tấu trình bộ “Chánh Tông Ký” rồi, mới thấy ý vi diệu này chẳng dám liền cải đổi trong văn đã tấu. Lại nêu sự thật ra đây, muốn người học xét biết vậy). Mà các kinh Pháp Hoa v.v... nói A-la-hán thọ nhận quyết định làm Phật, Đại Bồ-tát hay thọ trì dùng thí như Đại Dược sư hay lấy độc làm thuốc, như luận ấy mới đầu tôn đại ư? Trong “Bát-nhã” nói: “Ma-ha-Bát-nhã-ba-la-mật kinh là lớn (Đại) đệ nhất trong các kinh”. Lại nói: “Bát-nhã Ba-la-mật-đa được mệnh danh là mẹ của chư Phật ba đời, hay hiện bày thật tướng tất cả các pháp”. Lại nói: “Thật tướng các pháp tức là Bát-nhã Ba-la-mật”. Lại nói: “Trừ thật tướng các pháp thì tướng các pháp dư tàn đều gọi là ma”. Lại nữa, trong ‘kinh Niết-bàn’ nói: “Ma-ha-bát-nhã thành tạng bí mật”, nay ở đó sau khi chúc lụy cho các chúng Tây vực, Bồ-tát rồi mới đặc biệt bảo: “Bát-nhã Ba-la-mật chẳng phải là pháp Bí mật. Đó há chẳng phải Long Bản (chữ “bản” là lách tên ma, phía dưới cũng phỏng theo đây) nương thừa Đại Ca-diếp, A-nan làm Đại tổ truyền pháp, mà ngoài kinh lại được thật tướng đó, muốn bao quát mà hỏi phát đó ư? Không như vậy, sao lại cho là Đại Bát-nhã chẳng phải pháp Bí mật ư? Tôi nghiên cứu đó hay lấy độc làm thuốc để thí dụ càng thấy huyền chỉ đó có ở đây. Lại chưa dễ dùng giáo bộ mà đoán đó (trong luận đó lại nói: “Dùng pháp vi diệu nhỏ nhiệm hết vọng mà trị đó, thí như có độc hay trị các độc”. Lại nữa, các bậc Cổ đức nói: “Tứ giáo đều là quyền xảo hóa vật”, mới dẫn trong kinh nói: “Năm tay không, lừa dối trẻ con”. Vì chứng đó có thể dùng cái nghĩa kia dùng độc làm thuốc vậy). Như trong lời tựa của

Viễn Công nói: “A-nan khúc thừa chỉ chiếu, gặp chẳng phải người đó, hẳn là Linh phủ của Tạng”. Lại nói: “Công ở ngoài lời, chỗ kinh chẳng phải bày”. Đó cũng là ý của Long bản vậy”.

Lại hỏi: “Trước ông cho rằng Niết-bàn phó chúc cho Ma-ha-ca-diếp là truyền pháp bí mật đó, cùng với chúc lụy cho A-nan này đây chẳng là cũng đồng vậy, cơ sao trong thời Niết-bàn đều chẳng nói ư?” Đáp: “A-nan là đệ tử hàng thứ, lại chuyên truyền kinh luận của Phật, giả sử có vượt thứ bậc nêu bày xưng A-nan thì chẳng riêng ngoài kinh ư? Mà khúc có chỗ truyền vậy, chỉ đến Ca-diếp là chuyên giao phó cho người Trưởng, và sở dĩ tôn xưng đó là tâm truyền bí mật vậy. Tuy có chúc lụy đến A-nan ngay đó hẳn cũng còn ở không nói vậy. Trong “Truyền Đăng Lục” nói: “Và bảo A-nan làm phó nhị lưu truyền hoàng hóa”. Đó há chẳng chuyên ở Đại Ca-diếp ư? Nhưng Đại Kinh Đại Luận đây, cùng với điểm trong “Thiền Kinh” nói; “Sau khi Đức Phật diệt độ, Tôn giả Đại Ca-diếp, Tôn giả A-nan, cho đến Tôn giả Bất-như-mật-đa, các người trì pháp đều đem đèn tuệ này lần lượt truyền trao thọ nhận”. Lại cùng trong hai lời tựa của Sa-môn Tuệ Viễn và Tuệ Quán nói: “A-nan khúc thừa chỉ chiếu, linh phủ của tạng, gặp người đó mà sau truyền trao”. Hẳn cũng đồng vậy. Nay dùng năm thuyết đây mà nghiệm trong “Bảo Lâm Truyện” và “Truyền Đăng Lục”, điều gọi là “Đức Như Lai lúc sắp thị tịch mới bảo Ma-ha-ca-diếp rằng: “Tôi đem pháp nhãn thanh tịnh Niết-bàn diệu tâm, thật tướng vô tướng chánh pháp vi diệu, nay giao phó cho ông, ông phải hộ trì, và bảo A-nan làm phó nhị lưu truyền hoàng hóa chớ khiến dứt tuyệt”. Lại trong đời gần đây ở “Quảng Đăng Lục” của Lý Lệnh Công Tuân Húc nói: “Đại Ca-diếp bảo A-nan rằng: “Lúc chưa viên tịch, Đức Bà-già-bà ngay trước tháp Đa tử đem Đại pháp nhãn tạng kín trao cho tôi, nay tôi truyền trao cho ông”. Mà gốc ngọn đó nào từng khác ư? Xưa nay chỗ gọi là ngoài ngôn giáo, người riêng truyền chánh pháp đó há chẳng nung đốt đến đó ư?”

Người khách lại nói: “Điều ông suy luận diễn giải rõ ràng vậy! Vả lại, như trong “Thiền Kinh”, chỗ thấy chỉ Tứ niệm xứ. Ba mươi bảy phẩm trợ đạo, đó đều là hành tướng của Tiểu thừa, mà ông cho là được lưu xuất từ Bồ-đề-đạt-ma, há được thích nghi ư? Tôi rất ngờ vực, cơ sao như vậy?” Đáp: “Phàm, tứ niệm xứ -Ba mươi bảy phẩm trợ đạo, hẳn thông cả Đại thừa lẫn Tiểu thừa. Ông hãy lắng nghe, căn cứ theo luận “Đại Trí Độ” nói: “Phật giảng nói pháp tứ niệm xứ cho đến tám Thánh đạo phần, là Ma-ha-diễn (Đại thừa)”. Trong Tam Tạng cũng chẳng nói ba mươi bảy phẩm trợ đạo, riêng là pháp Tiểu thừa. Lại nói: “Sáu pháp

Ba-la-mật, trong ba mươi bảy phẩm trợ đạo, sinh ra chư Phật trong thời quá khứ, hiện tại và vị lai ở khắp mười phương. Cho nên, Tu-bồ-đề! Bồ-tát muốn chứng đắc A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề, thế giới chư Phật, thành tựu chúng sinh, phải học sáu pháp Ba-la-mật, ba mươi bảy phẩm trợ đạo”. Lại nói: “Phật bảo Tu-bồ-đề! Bồ-tát Ma-ha-tát học như vậy là học sáu pháp Ba-la-mật, là học Tứ niệm xứ. Học như vậy là học hết các học đạo. Học như vậy là học nơi hành xử của chư Phật, học như vậy là mở môn cam lộ, học như vậy là hiện bày tánh vô vi. Tu-bồ-đề! Hạng người căn tánh hạ liệt, không thể học như vậy”. Ý Phật như thế đó, ai bảo tứ niệm xứ -ba mươi bảy phẩm trợ đạo là hành tướng của Tiểu thừa ư? Nay Bồ-đề-đạt-ma mới dùng Đại Bồ-tát Tăng truyền pháp làm Tổ, diễn nói “Thiền Kinh”, hành pháp Đại thừa đó, đúng rất thích nghi vậy. Sao lại nghi ngờ ư? Mượn khiến Tứ niệm xứ chỉ là đạo của Tiểu thừa, mà trong luận đó lại nói: “Tu-bồ-đề! Bồ-tát học như vậy, trong hết thảy pháp đều được thanh tịnh, chỗ gọi là tâm của hàng Thanh văn và Bích Chi Phật”. Lại nói: “Bồ-tát như vậy là hay rõ biết nơi hương thú của tâm tất cả chúng sinh”. Lại nói: “Ba mươi bảy phẩm trợ đạo là đạo Niết-bàn của Thanh văn và Bích Chi Phật”. Phật khuyên Tu-bồ-đề nên hành đạo đó. Như vậy, thì Bồ-tát cũng được dùng pháp Thanh văn mà tiến người, rõ vậy. Nay, trong “Thiền Kinh” diễn nói đó đâu phải không vâng phụng ý Phật ư? Sao cho là không thể vậy. Huống gì đó chưa chứng quả dùng Tiểu thừa mà đợi người ư? Phạm, “Thiền Kinh” là do Tổ sư Đạt-ma mới đầu dùng phương tiện giáo hóa người tu hành Tam thừa, muốn nhân từ cạn đó mà dẫn dắt vào sâu vậy. Trong kinh đó nói: “Cảnh giới Như Lai không thể nghĩ bàn, nay đây chỉ nêu bày ấy vậy”. Trong lời tựa của Sa-môn Tuệ Viễn nói: “Rút nhơn cốt yếu của các kinh mà khuyên phát Đại thừa”, rõ ràng vậy. Lại hỏi: Nếu vậy thì phần đầu trong “Thiền kinh” nêu bày chư Tổ truyền pháp, há chư Tổ xưa trước cũng truyền kinh giáo ư? Đáp: Đúng vậy. Việc truyền pháp xưa trước do vì chứng hạnh giáo đó vậy, mà dùng dạy người vào đạo, hẳn lấy chỗ truyền của Tổ sư làm ấn chánh vậy. Thiền nguyên thuyên giải rằng: “Chư Tổ truyền pháp mới đầu dùng Tam Tạng giáo thừa gần thực hành. Sau đó, Tổ sư quán căn cơ mà đặc biệt hiển bày tông, phá chấp, càng lại riêng truyền tâm ấn ấy vậy”.

Người khách lại hỏi: “Tôi nghe Bát-nhã Ba-la-mật-đa chỉ đem đại pháp được giao phó cho Đạt-ma, khiến chỉ thẳng hàng thượng cơ, mới ở ngoài kinh giáo ư? Chẳng lập văn tự chỉ thẳng tâm người thành cứu cánh giác, chưa nghe Đại ma lại theo hành tướng của Đại thừa Tiểu

thừa để vì đó nói ư?” Đáp: “Đúng vậy, sự trao truyền và thọ nhận của Bát-nhã và Đạt-ma, thật đó là chánh truyền của Phật tổ. Nhưng người học cũng lại phải cầu gốc ngọc của Tiên Thánh chúc lụy, nghiên cứu ý cơ nghi hành hóa đó vậy, không nên tự chấp lời của một thời mà cùng khởi cật nạn. Phàm, dùng đại pháp được chỉ thẳng hàng thượng cơ, chẳng lập văn tự chỉ thẳng tâm người thành cứu cánh giác, đó bởi vì mới đầu, Bát-nhã-đa-la dạy răn Đạt-ma nên du phương quán xét căn cơ để thực hành chánh truyền đó, ý cho rằng sau khi Bát-nhã-đa-la diệt độ cách sáu mươi bảy năm tại nước Chấn Đán (Trung Hoa) mới có bậc Thượng cơ. Nay “Thiền Kinh” đã có từ trước khi Đạt-ma đến Trung Hoa hơn cả trăm năm trước. Mới đầu tại Tây vức, vì thời điểm chánh truyền đó chưa đến, bậc thượng cơ còn thiếu, tạm thuận theo có người xứ ấy mà dùng phương tiện chỉ giáo gần kề Đại thừa Tiểu thừa, và dùng nghĩa nói đó vậy (trong “Bảo Lâm Truyện” cũng nói: “Đầu tiên, Đạt-ma ở tại Nam Thiên trúc dùng pháp Tiểu thừa hóa đạo bao nhiêu người). Đây cũng là Đạt-ma tạm hành hóa trước đó vậy. Chỗ gọi là: “Bồ-tát vì hết các học đạo, vì rõ biết nơi thú hưởng của tâm hết thủy chúng sinh”. Mà đạo của Tổ sư chẳng chỉ dừng tại đó mà thôi vậy. Nếu như chẳng lập văn tự, chỉ thẳng tâm người, mà tiếp hàng thượng cơ, “Thiền Kinh một mai tích chứa đó mà chưa phát từ đầu, khi thời điểm đó vừa đến, Đạt-ma mới tự nhiên đến phương Đông, nhân tại nước Chấn Đán (Trung Hoa) có người căn khí Đại thừa, chỗ gọi là người chánh truyền đó, bèn phấn phát lớn ngay trong văn tự, đàm nói Tam thừa chỉ quán, liền cho rằng không phải lời của Bồ-đề-đạt-ma. Sao yên ổn vậy? Như trong “Thiền Kinh” nơi câu kết của phần “Thắng Quyết Định” nói: “Ta dùng ít sức tuệ lược nói tánh các pháp, như nghĩa cứu cánh đó, cảnh giới trí mười lực”. Đó là ý Tổ sư tự khiêm nhường vậy. Kinh nay là ta hãy lược nói tánh pháp đây, nếu như theo lý cứu cánh đó thì là cảnh giới bí mật vi diệu của Phật, chẳng phải văn tự nghĩa thuyết có thể tuyên bày, hẳn là kín truyền khéo chứng mới có thể thấu đạt vậy. Lại nữa, ở cuối kinh đó nói bài kệ tụng rằng: “Phương tiện trị Hành địa, cho đến nói cứu cánh, chư thí pháp tối thượng, thí là truyền đến nay”. Câu kết ở đó lại nói: “Chỉ người kia đã độ, sau đó mới cứu cánh”. Trong đó nói: “Phương tiện trị địa hành” có nghĩa là đó tạm dùng nghĩa mà diễn nói Thiền kinh. Lại nói: “Cho đến nơi cứu cánh” có nghĩa là chánh truyền, Đại pháp đó thẳng tiếp hàng thượng cơ vậy. Lại nói: “Chư thí pháp tối thượng, thí là truyền đến nay”, có nghĩa là Đạt-ma tự cho rằng mình tiếp thừa sở truyền của Phật mà mãi đến ngày nay vậy. Lại nói: “Chỉ

người kia đã độ, sau đó mới cứu cánh”, có nghĩa là pháp này bí mật không lời không chỉ bày. Khó tin khó thấu đạt. Chỉ phải dùng người đã chứng đây, sau mới rõ biết nguyên do cứu cánh vậy. Ý đó như vậy, đâu chẳng phải ngoài kinh mà tự có diệu chỉ ư? Đâu chẳng phải mượn văn tự mà đợi người thẳng dùng tâm chứng ư? Kịp đến lúc Viễn Công tiếp thừa từ học trò của Đạt-ma mà kín truyền đó. Là lời tựa “Thiền Kinh” nói: “A-nan khúc thừa chỉ chiếu, gặp chẳng phải người đó hẳn là Linh phủ của tạng”. Lại nói: “Công ở ngoài lời, chỗ kinh không biện giải”. Lại nói: “Như người ấy không nghe không chỉ bày, riêng có Tông minh vậy. Như vậy mà sở đắc của Viễn Công nào từng ở nơi kinh giáo ngữ ngôn tự ư? Than ôi người học ở đời mật pháp ít biết, sao biết Cổ đức trước đã truyền Thiền kinh này, là trường bản của Chánh tông Đạt-ma, được lấy làm minh chứng của Chánh tông chúng ta suy vi ư? Lại có người hỏi: “Thầy của Tông khác cũng có tên là Đạt-ma-đa-la, nay ông cho rằng Đạt-ma-đa-la tức là Bồ-đề-đạt-ma của Thiền tông. Vậy lấy gì làm chánh đó ư?” Đáp: Luận trước, tôi dùng danh số hai mươi tám Tổ sư ở “Thiền Kinh” chứng minh đó đã rõ ràng. Lại nữa, trong lời tựa, Viễn Công nói: “Đạt-ma-đa-la, là bậc tuấn kiệt ở Tây vức, là chủ chốt dạy răn về thiền pháp”. Đó chẳng phải là Tổ sư của chúng ta thì ai ư? Người đồng tên của tông khác, sao được thấu triệt dự ở đây ư? Nhưng mà phát huy “Thiền Kinh” đó là do Tam Tạng Pháp sư Bạt-đà cùng với Đại sư Lô Sơn, và Tuệ Quán cũng có dự tham vậy. Ba người ấy đều cho rằng đó đầy đủ ý của viên đốn Đại thừa. Lời nói đó đâu giả dối ư? Như Viễn Công là người mà trong thiên hạ xưa nay là An -Viễn (Đạo An và Tuệ Viễn) ấy vậy. Phật giáo được hưng thịnh tại Trung Hoa chúng ta, bắt đầu bởi từ hai người đó, rất Đại Pháp sư vậy! Tôi thường nói rằng Viễn Công thức rất cao, lượng rất xa, là một Thích tử có văn có chất, hình nghi Tăng bảo mà phong liệt trội vượt, là Thánh hiền của Nho giáo cảnh tạng trăm đời, với cao Tăng từ xưa đến nay thì Viễn Công là tuyệt xuất, đó là người không thể lường biết vậy. Tôn giả Bạt-đà gồm thông Tam Tạng nhớ biết rất mạnh, ở Tây vức xưng gọi là người thông rành kinh sách nội ngoại, xưng hiệu là “Dị Tăng”. Sa-môn Tăng Triệu mới tôn kính xưng gọi là “Thiền sư Đại thừa”. Còn Tuệ Quán là bậc nghĩa học tài tuấn, đương thời cùng ngang với các Sa-môn Đạo Sinh, Tăng Triệu, Đạo dung, Tăng Duệ v.v... cùng là các bậc Pháp sư có tên tuổi từ xưa vậy. Mà ba người ấy như vậy đều tôn quý thiền yếu, và đạo của Đạt-ma, sợ cũng thấu đạt vậy. Tôi thường nghe trong luận Đại Trí Độ nói rằng: “Thiền, rất lớn, như vua, nói thiền thì hết thủy đều nhiếp Tam-

muội của Phật Bồ-tát và Phật đấng đạo xả bỏ thọ mạng, các thứ công đức thắng diệu như vậy đều tại trong thiên”. Và Hóa Quyển lại cho rằng nghĩa đó là: “Giải thoát Thiên Tam-muội đều gọi là Định, Định gọi là tâm”. Chỗ đó gọi là tâm tức là chỗ truyền của chư tổ ấy vậy. Người xưa gọi Thiên môn là Tông môn. Đó cũng là ý của Tổ sư Long Thọ vậy. Cũng gọi là Tông môn của chúng ta là Đại tông chánh thú của một Phật Thích-ca Văn chỉ dạy. Chỉ vì ý nghĩa của kinh gọi là Tông môn tan rải trong các kinh, ẩn giấu xưa nay, chưa rõ ràng thấy nơi thiên hạ vậy. Thường ngày, Tôi khảo xét đó, đoán rằng: Từ khi Đức Như Lai trao truyền đại pháp, nhập Niết-bàn đến nay, với chỗ thấy ở đại tạng, vừa tạm dùng thuyết của trong Tổng tựa của Viên Công, cùng với Thiên kinh, luận Đại Trí Độ luận, kinh Bát-nhã, bốn nơi ấy mà suy tìm áo chỉ và nghiệm xét đó. Nhưng với Phật pháp đại dự, há tôi là hàng hạ sĩ phạm ngu mà liền ức đoán cắt đứt ư? May tạm phát hiện chỗ tích chứa của Hiền Thánh đời trước vậy. Các thức già cho là thế nào? Như Viên Công nói “Ba nghiệp dấy khởi, dùng Thiên trí làm tông”. Đó há chẳng phải cho rằng thiên là chủ (Tông) của kinh, luật, luận tam học đó ư? Lại nói: “Mỗi lúc bùi ngài đại giáo đây lưu truyền đến phương Đông, thiên số rất hiếm ít, ba nghiệp luôn luôn bao gồm. Đạo đầy nguy phế vậy”. Đó há chẳng có nghĩa là giới định tuệ hẳn bao gồm nơi thiên yếu ư? Lại nói: “Hàng Đạt tiết khéo biến, nói xuất xứ không ngần, ẩn danh dấu vết không nghe không bày, với người như thế, không thể đem phân theo danh bộ. Đã không chỗ phân danh bộ, cũng chẳng ra khỏi ngoài đó, riêng có Tông minh vậy”. Đó há không phải nghĩa Thánh là bậc đạt tiết, biến mà thông, thường dùng mật chứng diệu dụng riêng làm chư (Tông) của các bộ ư? Lại nói: “Tám vạn pháp tạng hiện còn chỉ cốt yếu”. Đó há chẳng phải cho là tuy Phật có tám vạn bốn ngàn pháp tụ nhưng không gì chẳng lấy mật truyền cực chứng đây làm cốt yếu chánh chân ư? Lại nói: “Tìm cành kiếm rễ thì đông nhiều, gồm gốc chuyển ngọn thì hiếm ít. Hoặc sắp kịp mà chưa thấu đạt, hoặc giữ phương mà chưa biến”. Đó há chẳng có nghĩa là trước là ngọn, sau là gốc, ngu phu học giả ngược bày chấp phương mà không biết viên biến ư?” Lại nói: “Nguyên Thánh chỉ chẳng không toàn dở trường đó, do vậy cũng tìm cầu sở đoản vậy”. Đó há chẳng phải cho là Thánh chỉ của Phật không chỉ toàn nơi sự ưu trường của diệu bản, cũng là cực cầu sự tối đoản theo ngọn đó ư?” Lại nói: “Ba ứng chân (A-la-hán) ấy đều thâm khế hợp từ xưa, công ở ngoài lời, chỗ kinh không biện giải”. Đó há chẳng có nghĩa là Ca-diếp, A-nan cùng với Cúc-đa (tức lấy Ca-diếp và Cúc-đa mà xưng

là ba ỨNG CHÂN, RỘNG Ý THÂM KHẾ HỢP ĐÓ VẬY) khúc phụng mặc truyền đều khế hợp với Diệu tâm vi mật của Đức Phật chúng ta xưa trước mà vượt thoát ngoài kinh giáo ư? Từ “Ma-na-tư-già-la, nhất kinh tâm” trong “Thiền Kinh” bí mật mà không phiên dịch. Phía dưới đó tiếp nói: “Cho đến hết thầy Hiền Thánh đều nên siêng năng tu tập Chánh quán như vậy”. Đó há không có nghĩa là phàm người dự vào trong giáo pháp của Đức Phật chúng ta đều phải dự cực chứng bí mật này mới là chánh kiến ư? Trong kinh Niết-bàn nói: “Nay ta có chánh pháp vô lượng thầy đều giao phó cho Ma-ha-ca-diếp, Ca-diếp sẽ vì các ông làm nơi nương tựa”. Đó há chẳng có nghĩa là từ nay về sau đều có thể nương tựa mật pháp vi diệu vô thượng nơi Ca-diếp mà làm chánh chân ư? Lại nói: “Bốn người xuất hiện nơi đời hộ trì giáo pháp, phải nên chứng biết mà làm nương tựa. Bốn người đó tức gọi là Như Lai. Cớ sao? Vì hay giải hiểu mật ngữ của Như Lai và hay giảng nói đó”. Đó há chẳng phải nghĩa là đời đời bốn người nương tựa xuất hiện nơi đời là y cứ mật ngữ diệu tâm đó lấy làm minh chứng về sau ư? Như trong luận “Đại Trí Độ” nói: Bát-nhã Ba-la-mật chẳng phải là pháp bí mật”. Ý chỉ ấy cũng nghiệm ở trong thiền vậy. Vừa tạm nêu lược, chẳng phải giải lại nữa, kiểm xét đó thì ý để lại của Đại Thánh nhân đâu chẳng quả nhiên dùng mật pháp vi diệu thanh tịnh Thiền làm Đại tông của giáo đó ư? Muốn đời đời các hàng Tam học nhờ đó lấy làm ấn nghiệm tiêu chánh nhập đạo đó ư? Người xưa nói thiền môn chúng ta là tông môn và tôn ở ngoài giáo tích khác đó vậy. Nhưng thiền yếu đây đã là tông của một Phật giáo thì người hoằng truyền pháp yếu đó, ba mươi ba Tổ sư Đại Ca-diếp cho đến Tào Khê (Tuệ Năng) đều là Tổ của một Phật giáo, mà người nhận biết cặn vụng phân biệt Đạt-ma cho đến Tào Khê (Tuệ Năng) riêng làm Tổ thiền môn, cũng chẳng rất sai lầm ư? Phàm, đạo hẵn không ngoài, pháp cùng với văn tự chưa khác vậy, ai là trong hay ngoài? Chỉ tạm lược lời đó mới nói vốn mười hai bộ loại kinh giáo v.v... cất ngay để hoàn toàn tâm tánh người, bởi đề gốc vì chính định vết tích đó, hiện bày để khác với sơ đó, khiến đó tức là cực chứng nay đây, chẳng lại che khuất mảy tóc xa cong vậy. Nhưng đây chưa dễ dùng miệng lưỡi mà biện giải, chưa thể dùng trí mà hiểu thấu. Như trong Viên giác nói: “Chỉ chỗ cảnh giới tròn đầy của các Thanh văn, thân tâm ngữ ngôn thầy đều dứt tuyệt, trọn không thể đến đó thân chứng chỗ hiện Niết-bàn”. Há chẳng như vậy thay!

Xưa kia, Tôn giả Mã Minh nói: “Lìa niệm cảnh giới, chỉ chứng tương ứng”. Nên Tôn giả Long Thọ cũng nói: “Không thể nói đó là thật

nghĩa, có thể nói đó đều là danh tự”. Đó cũng là hai vị Tổ sư tôn quý tâm chứng thân mật, vì khác với theo vết tích mà tình giải đó vậy, muốn người giới hạn đó mà chỉ chính định vậy. Trong thời nhà Tùy, Đại sư Trí Giả xưng rằng: “Đức Như Lai thường bảo các đệ tử, khiến mỗi mỗi tự thuật điều mà Duy-ma-cật chê trách mình xưa trước, và Phật mới im lặng ấn chánh đó. Nhưng đó hẳn cùng Tịnh danh im lặng ấn chứng ba mươi hai Thánh Đại sĩ giảng nói pháp đồng vậy”. Căn cứ theo đó thì Đại Thánh nhân quả nhiên dùng chánh tông đó mà im lặng chứng vi mật để lại đời sau làm nêu chánh ấn nghiệm đó vậy, hẳn cũng đã thấy trong thời Phật còn tại thế, người học cũng có thể tôn quý mà kính tin đó vậy. Than ôi! Hàng Tỳ-kheo chúng ta ngày nay tập học kinh luật luận, ai chẳng dựa trong phần giáo của Đức Phật Thích-ca Văn ư? Với người học kinh luật luận đó, ai chẳng dựa trong tám vạn bốn ngàn pháp tạng ư? Chỉ mỗi chuyên tập ở thầy riêng mà đồng học hành đó chẳng đoái hoài pháp yếu, chẳng xét cầu chánh thú đại tông đó. Trái lại chột gọi sở truyền của Tổ sư Đạt-ma, cho đó không như đạo của thầy chúng ta. Đó không chỉ trái ngược ý Phật, mà cũng là tự mê mờ gốc đạo, thật đáng than thương ấy vậy! Như chỗ nêu bày của Thiền giả ngày nay, hoặc nói hoặc nín, hoặc động dụng, đều là diệu dụng của Phật xưa trước, chỉ không thể liên thấy, chỉ nguồn gốc đó vẫn hiện có, tôi cảm xét phiền nhiễu chẳng lại mở giải tiếp nữa. Nhưng diệu dụng đó sợ Thánh ý riêng di chúc làm chủ (Tông) của mật truyền chúng ta mới được pháp môn vậy. Sao phải dùng cùng thích nghi đó”. Nếu không như vậy, sao từ Tổ sư Đạt-ma đến nay Tông phong đó phấn phát lớn ư? Trong kinh nói: “Lời nói chánh, tự như trái ngược”. Ai tin đó ư? Xưa kia, Tôn giả Long Thọ nêu bày trong luận Đại Trí Độ luận rằng: “Trì giới là da, Thiền định là thịt, Trí tuệ là cốt, vi diệu thiện tâm là tủy”. Phàm, vi diệu thiện cũng là nương Phật mà kín truyền vậy, đến lúc Tổ sư Đạt-ma bình phẩm về sở chứng cạn sâu của đệ tử mới đặc biệt dẫn nêu đó mà bảo rằng: “Người được phần da của ta. Người được phần thịt của ta, người được phần cốt của ta, người được phần tủy của ta”. Từ đó mà tâm ấn của Phật càng có hiệu nghiệm. Đó chẳng nói Giới, Định, Tuệ, Diệu tâm cùng nghĩa đó, nên đây lược bớt mà chỉ còn yếu chỉ vi mâu ấy vậy. Sau đó cả trăm năm, đến thời nhà Tùy, Thiền sư Trí Khải nhân giảng giải kinh mới lại dùng nghĩa mà phân biện thuyết của bốn người. Đến vi diệu thiện tâm là tủy, có nghĩa đó là hành xứ của chư Phật, dứt đường ngôn ngữ diệt chỗ tâm hành, chẳng chẳng hai, vi diệu Trung đạo. Nhưng lời nói của Tôn giả Long Thọ và Đạt-ma, đến lúc Thiền sư Trí Giả luận bàn

mà càng tôn quý và giải rõ vậy. Tâm vi mật đó thật là chỗ gọi là không thể nghĩ bàn, chẳng phải nói chẳng phải nín. Thức biết chỗ chẳng kịp, trí hay chỗ chẳng đến. Thuở thiếu thời tôi thường được truyền nghe từ các bậc thiện tri thức trước bảo rằng: “Sa-môn Đạo Dục nói: “Bốn đại vốn không, năm ấm chẳng phải có, và nơi tôi thấy không một pháp có thể chứng đắc, dứt đường ngôn ngữ, diệt chỗ tâm hành”. Và Tôn giả Đạt-ma bảo rằng: “Người (Đạo Dục) được phần cốt của Ta”. Đến lúc Nhị tổ (Tuệ Khả) ra lễ bái rồi im lặng về đứng nơi cũ, Tôn giả Đạt-ma mới bảo: “Người (Tuệ Khả) được phần tủy của Ta”. Yếu chỉ đó rất cùng cực thay lời nói của Tổ sư. Đó sở dĩ lấy làm Tông của Huyền học vậy.

Trong thời Tiền Đường, Sa-môn Thần Thanh dèm pha Thiền giả mà bảo rằng: “Thánh hiền truyền pháp đó, lúc ấy vì hành Thanh văn, như Đại Ca-diếp tuy tức đồng tâm mà còn là Tiểu trí, đâu có thể truyền Phật tâm ấn?” Thần Thanh sao chẳng suy nghĩ đó ư? Trong kinh Niết-bàn nói: “Nay Ta có chánh pháp Vô thượng thầy đều giao phó cho Ma-ha-ca-diếp”. Như lời nói của Thần Thanh thì Đại Thánh nhân vọng truyền trao pháp đó vậy. Trong “Chánh Tông Ký” đây, tôi chống kháng đó đã lắm rồi, không cần phải nói nhiều nữa. Nghiệm rõ Thần Thanh biết cạn sai lầm, chẳng kịp bờ rào xa của Trí Giả vậy. Ở đời tôn xưng Thần Thanh là bậc khéo học, há như vậy? Học là vì cầu đại đạo, đường là vì thông thiên hạ. Đến kia mê họ mà che khuất đạo, mê đường mà quên trở lại. Phàm học và đường cũng là hoạn nạn vậy. Nên bậc chí nhân chẳng quý học nhiều, chẳng muốn lắm đường rẽ, mà hàng hậu học ngu lậu hoặc vọng bình phán chỗ gọi là “người được phần tủy của Ta” của Tổ sư Đạt-ma. Sao kẻ ấy khuấy loạn thuyết của bậc Trí giả vậy ư?

THIÊN THỨ TƯ

Người khách hỏi: “Giáo dã chuyên chở đạo, sao chẳng ngoài giáo mà truyền đạo ư? Lại nghe, phàm, giáo viên đốn, giáo cùng với chứng là một vậy, mà nay đây giáo và Đạo cùng khác nhau, há là viên đó ư?”
Đáp: “Tâm ông chưa thông, nên khéo nghe đó. Xưa trước nói với giáo và chứng là một. Bởi vì tánh của văn tự cũng có không phân, cùng với chánh lý suốt thông vậy, chẳng phải chỗ gọi là quyển vàng tập đồ, tiếng lời sắc chữ, khoa bày có hình trạng, thẳng cùng thật tướng vô tướng là một vậy. Như mười hai bộ loại kinh giáo là do bậc đại Thánh nhân khéo dùng phương tiện ứng cơ thị hiện mà dần bày, tạm mượn ngôn ngữ văn tự của thế gian mà khai mở Lý để tiếp người tỏ ngộ vậy. Nhưng Lý diệu không chỗ giáo, tuy nói kịp mà nói chẳng cùng tột. Đó chính chỗ gọi là Truyền riêng ngoài giáo, chẳng phải quả nhiên khác biệt Phật giáo vậy, chánh chỗ giáo tích không thể thấu đạt đến đó vậy. Như trong luận Đại Trí Độ luận nói: “Nói tự như nói kịp mà huyền chỉ sâu xa, tìm đó tuy sâu mà mất đó càng xa”. Đó chánh nghĩa ấy vậy. Xưa kia trong thời nhà Tùy, Khải Công Trí giả là người rất biết giáo, há chẳng nói: “Chí lý của Phật pháp không thể dùng ngôn từ mà tuyên bày”. Đâu còn nói lời mới nói vốn mười hai bộ loại kinh giáo ư? Căn cứ theo luận Đại Trí Độ nói: “Chữ Phật dứt pháp ái, không lập kinh sách, cũng chẳng trang nghiêm ngôn ngữ”. Như vậy, thì ý đó của đại Thánh nhân nào thường hẳn tại nói giáo ư? Trong kinh nói: “Lúc ta ngồi Đạo tràng chẳng đắc một pháp, thật không nắm tay lừa dối trẻ em, vì độ cho tất cả”. Đó há chẳng phải đại Thánh nhân dùng giáo làm phương tiện mà chẳng hẳn chuyên đó ư? Lại nữa, trong kinh nói: “Tu-đa-la giáo nêu chỉ vầng nguyệt, nếu đã thấy vầng nguyệt trọn phải biết nêu ấy rốt ráo không phải vầng nguyệt”. Đó đâu phải khiến người chấp chặt giáo tích ư? Lại nữa, trong kinh nói: “Mới đầu từ vườn Lộc uyển, cuối cùng đến bờ sông Bạt-đề, trong suốt khoảng thời gian năm mươi năm đó, chưa từng nói một chữ”. Đó hẳn có nghĩa là ngoài giáo ấy vậy. Nhưng, cùng cực đây, sâu mâu đây tuy chuyên tải nơi kinh cũng chỉ thuyết vậy, Thánh nhân nghiệm đó nên bảo dùng tâm tương truyền, mà điều Thiên giả gọi là “Truyền riêng ngoài giáo” chánh là đó vậy. Ngay đó có thể gọi là giáo và chứng đồng nhất ư? Hay chẳng đồng nhất ư? Viên ư? Hay chẳng phải viên ư? Lại hỏi: “Mười hai bộ loại kinh giáo đều là thật ngữ của Phật há đều là phương tiện mà quả thật có thể ngoài ư? Đáp: Ông phải tỏ ngộ mới tự rõ biết đó vậy. Lại hỏi: “Như thiên đức xưa trước có hết mượn kinh tượng lại chẳng chuyên đó, cơ sao vậy? Đáp: Đó chỉ là

hủy tướng hết tâm, cũng như trong kinh nói: “Chỉ trừ người Đốn giác và pháp chẳng tùy thuận”. Ở phần trước tôi có nói mới đầu chư vị Tổ sư cũng bao gồm kinh giáo mà hành hóa đó, người con Phật tự nên dùng hai mối này lường sức mà xử đó có thể được vậy. Như Tổ sư đem chánh tông mà vào Chấn Đán (Trung Hoa), cùng hàng nghĩa học, dứt tâm bén nhọn đua tranh đó. Có vậy, cùng hàng học giả chỉ thẳng tâm thọ mà khỏi phải khổ nhọc chương cú, có đó. Cùng hàng phàm phu học giả tỏ ngộ từ nơi khác mà chỉnh định, nghiệm đó có phải chẳng, có đó. Cùng với hàng chuyên dùng chánh tông mà được hỷ, suốt hơn năm trăm năm, số người như thế đông nhiều không thể tính kể, mà nêu chánh ấn của Đức Như Lai để lại cho đời sau, hẳn ứng nghiệm, vì chỉ ấy cũng chẳng công hiệu ư? Đức của Tổ sư trùm khắp nơi đời. Đó cũng là thối đạt vậy, nhưng chánh tông rất vi diệu rất bí mật, hẳn phải chứng đắc chân chánh Đạo nhãn mới thấy. Giả sử dùng ý để giải và gượng biện giải, tuy càng biện giải thì càng sai lầm vậy. Tôn giả Long Thọ nói trong luận rằng: “Nếu phân biệt ức đoán tướng tượng tức là lưới ma, chẳng động chẳng tựa nương, đó là Pháp sư. Đợi ông đến lúc nào lắng sạch tâm phân biệt hý luận, mới có thể tin chỗ truyền ngoài giáo của tôi là thật pháp ấn của Phật vậy”. Lại hỏi: “Đã nói là truyền riêng ngoài giáo thì hẳn là không liên quan với giáo, mà ông nêu dẫn lời của kinh Niết-bàn làm chứng cứ, há đó là thích nghi ư? Đáp: “Đúng vậy, ý ấy tuy truyền riêng ngoài giáo, mà việc ấy hẳn nêu chỉ trong giáo, cũng có nghĩa là diệu tâm đó, tôi đã thường truyền đó vậy. Ai cho là không liên quan với giáo ư? Và tôi nêu dẫn trong kinh Niết-bàn cũng chẳng phải vậy ư? Viễn Công nói: “Đã chẳng phải chỗ phân của danh bộ, cũng chẳng vượt thoát ra ngoài đó được, riêng có tông minh vậy”. Lời nói đó có thể nghĩ suy vậy. Lại hỏi: Ông cho rằng hẳn đời đời truyền trao thọ nhận tâm ấn, trọn làm nêu nêu chánh ấn ứng nghiệm. Sao tương thừa xưa trước đến đời Tào Khê (Tuệ Năng) mà Tổ ấy bèn dứt tuyệt ư? Đáp: Tổ đâu quả thật dứt tuyệt ư? Chỉ vì chánh tông lưu truyền vào Chấn Đán (Trung Hoa), đến đời Tào Khê, trải qua thời gian đã lâu, người tập học biết pháp đó, cơ duyên thuận thực đông nhiều, chánh tông được dùng truyền rộng khắp, tuy chi phái càng phân mà lớp lớp tương thừa, cũng mỗi tự làm Tổ đó, dùng pháp mà lần lượt cùng nêu chánh ấn ứng nghiệm, nào từng khuyết mất, cũng như trăm dân trong thế tục được dòng họ mỗi tự làm nhà mình, mà con cháu tương thừa tiếp nối làm ông cha thì chưa từng không vậy. Chỉ tương thừa pháp này tuy có chi Tổ mà chẳng như sự hưng thịnh của Chánh tổ vậy. Lại hỏi: “Tôi dùng giáo mà cũng có thể thấy đạo,

sao hẳn phải chỗ truyền của Tông ông mới lấy làm thấu đạt ư? - Đáp: Ông hẳn dùng giáo mà thấy đạo, tức là Thấy thuyết, chẳng phải là thấy đạo. Phàm, thật thấy đạo, chỗ gọi là cùng tột lý vậy. Cùng thì hay biến, biến thì hay thông, khéo biến thông đó mới thấy đạo vậy. Phàm Biến mà thông đó thì mới đầu phát xuất từ chánh tông của Tôi vậy. Phật tử giả sử có khả năng biến thông tức là đã dự ở Tông tôi vậy, sao cho rằng “vào hẳn phải chỗ truyền của tông ông mới là thấu đạt ư?” Huống gì bọn ông chưa biết biến, đâu thể là Thấy đạo ư? Viễn Công nói: “Hoặc sắp kịp mà chẳng thấu đạt, hoặc giữ phương mà chưa biến”. Có nghĩa như ông vậy ư? Như vua trong đời đời là Thánh hiền của càn hàng Vương hầu khanh tướng sĩ phu đại nho, phục ứng mà suy kính Tông môn này, không thể ghi lại hết, đại khái như vua Thái Tông (Triệu Quýnh 976-998), vua Chân tông (Triệu Hằng 998-1023) trong thời Bắc Tống chúng ta đều duyệt ý rất sâu mầu. Và Hoàng Đế Chương Thánh có làm thơ Tu Tâm rằng:

*“Sơ Tổ truyền thiền ở Thiếu lâm Chẳng
truyền kinh giáo, chỉ truyền tâm Người
sau nếu ngộ chân như tánh
Mật ấn nguyên do diệu lý mầu”.*

Mãi đến nay mà Hoàng thượng lưu thần, càng chuyên làm kệ làm tụng, mới lưu bố trong thiên hạ, lại làm biểu đồ của Tổ sư truyền pháp trao y, để chỉnh định Tông tổ đó vậy. Trong Đường Thư (Đường thư của Lưu Húc) nói: “Đạt-ma vốn vì hộ trì nước nhà mà xuất gia; vào Nam Hải được diệu pháp Thiền tông từ Đức Phật Thích-ca văn tương truyền có pháp y bình bát làm chứng ký, vì đời cùng truyền trao thọ nhận”. Tướng Quốc Bùi Hưu làm văn bia truyền pháp của Khuê Phong (Tông Mật), viết rằng: “Đức Thích-ca Như Lai sau cùng đem chánh pháp nhân tạng giáo phó cho Đại Ca-diếp, khiến Tổ Tổ tương truyền riêng hành hóa nơi đời chẳng riêng đối với Ca-diếp mà cả ngoài người trời, Thanh văn Bồ-tát vậy. Từ Ca-diếp đến Đạt-ma cả thảy có hai mươi tám đời Tổ sư, Đạt-ma truyền trao đó lại đến đời Tuệ Năm làm Tổ sư thứ sáu ở Trung Hoa”. Xưa kia, Lại Bộ Lý Hoa thường tập học biết đến Chỉ quán của Thiên thai, đến lúc Thiền sư Phạm Nhiên cùng chư Tăng bảo Lý Hoa làm văn bia Thiền sư Lãng ở Tả Khê. Trong văn đó mở đầu dẫn nêu Bồ-đề-đạt-ma, nói rằng hai mươi chín đời Tổ sư tương thừa, Đại Ca-diếp truyền Phật tâm Phật pháp, chưa nghe có người chẳng phải đó. Và, Khái Công -Trí Gải ở thời nhà Tùy cũng thường nêu dẫn nghĩa Từ Tuy ở trong “Thiền Kinh” để chứng minh Tứ-tất-đàn của giáo đó. Như

Trí giả đặc biệt hay phân rành tứ giáo, là chẳng phải đại Pháp sư của đời vậy, giả như Đam-ma-đa-la, Đạo đó chẳng đến, người đó chẳng phải tổ, kia đâu chịu suy lời nói đó mà làm chứng cứ ư? Đại sư Huyền Giác - Vĩnh Gia vốn học Tam quán Thiên thai, Nghĩa giải tinh tu gần như là bậc Dị Tăng (Huyền giác học sở chứng Tam quán, trông thấy ở “Thiên thai tứ giáo nghi” và “Vĩnh Gia tập”). Đến lúc trước thuật “Chứng Đạo Ca”, mới nói: “Sáng ngời Phật sắc Tào Khê phải”. Quốc sư Trừng Quán ở Thanh lương cũng là bậc đại Pháp sư, thường nói rằng: “Quả hải lia niệm mà tâm truyền”. Khuê Phong mới giải thích rằng: “Đó tức là ý của Đạt-ma dùng tâm truyền tâm, chẳng lập văn tự vậy”. Thiền Nguyên thuyên giải Tổ Đồ, nói rằng: “Quán Công thường tham hỏi Đại Thiên Đức rằng: “Phù bôi (bát nổi)”. Hoặc nói: “Lại học nơi Thiền sư Vong Danh (mất tên) ở Ngũ đài nên lời nói ấy mới như vậy”. Đại Luật sư pháp thân ở Duy dương cũng nói: “Chỉ quán của Thiên thai (Trí Giả) bao gồm hết thủy nghĩa kinh, pháp môn Đông sơn là hết thủy Phật thừa”. Nếu như Chánh tông chúng ta, Đạo đó chẳng lớn đến cùng, mà ba Đại Thánh nhân trong triều đại Bắc Tống đâu có thể chịu theo phụng sự hưng thịnh như thế ư? Từ xưa, các người dự theo đó như Tổ sư Dung ở Ngưu đầu, như An Công, Tú Công, Đại sư Nhất Hạnh, Khuê Công ở Tung sơn, như Quốc sư Nam Dương, Tha Đại Tịch ở Giang tây v.v... các vị như thế không thể tính lường hết, đều là những bậc Đạo phong thiên hạ, Đức suốt thần minh, tuy muôn thừa bá phúc tôn kính mà chẳng tự mừng vui, cao vời như trụ tản, dòng họ Phật muôn đời tỏa sáng đại giáo. Đó cũng có thể dùng bói đoán pháp ấy như thế nào vậy. Và, giả sử Đạo ấy cực huyền, các học giả kia chẳng thể thấy đó, sao chẳng xét nghĩ chút ít. Nay chí Thánh thiên tử cùng các Đại sư nghĩa học ở thời nhà Tùy nhà Đường, với ý việc làm đó dùng tự cảnh tỉnh ư?

Mới đầu, Luật sư Đạo Tuyên vì Đạt-ma, dự làm cao Tăng tập thiền, hàng phục đó đã lắm, lại chẳng liệt xếp Đạo Tuyên tiếp thừa tông Pháp sư, mật mờ thường khổ hoạn bất công đó, đến trong thời Bắc Tống chúng ta, Sa-môn Tăng lục Tấn Ninh kế thừa Đạo Tuyên, làm truyện. Tấn Ninh bình phán về Tam giáo, mới nói: “Tâm giáo nghĩa thêm (có nghĩa là kinh luật luận tam thừa là hiển giáo, Du già năm bộ pháp Mật-trà-la là Mật giáo, Thiền tông chỉ thẳng tâm người thấy tánh thành Phật là tâm giáo vậy) nhiều nên luận đó hành tập Thiền khoa”. Rất tôn quý tông của Đạt-ma, nói rằng: “Tu chứng như vậy là Tối thượng thừa thiền. Thiền là vì vật vậy. Thiền đó lớn vậy thay. Chư Phật đắc đó mà lên Đẳng giác Diệu giác. Các môn dẫn dắt nhanh chóng, không gì

qua đây vậy”. Đến lúc khảo xét về “Thứ phong Thánh hiền lục” do Tán Ninh biên thuật, tuy luận về Tổ tông truyền pháp, bởi cũng nương tựa “Bảo Lâm Truyện” và “Phú Pháp Tạng Truyện”, chẳng có khác rộng, nhưng điều quyết đoán trong đó phù phiếm, phải quấy chẳng rõ ràng, trọn chẳng thể suy tầm sâu vào đại kinh đại luận mà nghiệm thật ý Phật, khiến người học ở đời sau càng vì đó cùng nghi ngờ. Đó cũng là hai sở đoản của người xưa vậy. Mới đến nay, tông môn tuy suy. Các bậc thầy mô phạm tiêu biểu lẫn lộn, ít tìm được người đó, mà người học kia có biết tự phải tôn trọng kính phụng ý Phật Thánh xưa trước, đâu nên câu suy đó, nhân không người chẳng đoái hoài đại tông đại tổ đó, mà khuấy loạn sự thể pháp môn ư? Đó có thể gọi là có biết ư? Sách thế tục nói rằng: “Tứ, ông mền quý dê của ông, ta mền lễ đó”. Đó cũng là người chính xác quen Đạo Thánh nhân vậy. Người học kia cũng ít nên tư duy đó.

Mới đầu, Đạo của Đạt-ma hiển bày ở Bắc Ngụy, mà vua Võ Đế (Tiêu Diễn ở Nam Lương 502-550) viết thư gửi đến Bắc ngụy rằng: “Cùng đội nhờ ân quán âm phân hóa”. Lại nói: “Đại sư Thánh Trụ”, Pháp sư Tuệ Viễn trong lời tựa “Thiền Kinh”, viết rằng: “Chẳng phải bậc Đạo suốt Tam thừa, trí thông thập địa, ai có thể Thiện Sinh huyền căn ở pháp thân, Quy tông một nơi vô tướng”. Như vậy, thì Đạt-ma quả thật Thánh nhân vì vua Võ Đế thời Nam Lương tôn quý, là Hiền Thánh của Viễn Công. Sự tôn xưng của những vị đó cũng đáng tin được vậy. Tôi thấy đó, liền lấy Đạt-ma làm đùa cười, sao đó không biết lường vậy. Như Đạt-ma xuất hiện đời sau của Đức Phật, mới xưng là Thiền kinh”. Bởi đó tham cứu các kinh, mới đầu muốn dùng lời Phật làm lượng để để khơi phát tâm tin của người sau vậy. Nên trong lời tựa của Viễn Công viết rằng: “Nhóm rút cốt yếu của các kinh, để khuyên phát Đại thừa”. Lấy đó chứng minh vậy.

